

PROMOTING THE LESSONS OF COMBINATION OF NATIONAL STRENGTH AND THE STRENGTH OF THE TIME IN THE CURRENT CONDITIONS OF INTERNATIONAL INTEGRATION TODAY

Luong Quang Hien

Academy for Finance

Email: luongquanghien@hvtc.edu.vn

Received: 18/01/2024; Reviewed: 31/01/2024; Revised: 26/02/2024; Accepted: 04/3/2024; Released: 31/3/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/266>

The strength of a nation not only includes material and spiritual elements but also describes the synthesis of many aspects such as economics, politics, military, culture, knowledge, ideology, policies, political system... In the contemporary world context, national strength means linking the nation with global trends, defining one's position in the international community, promoting international cooperation to take advantage of and combine external strength support current goals and tasks. To achieve this, we need to clearly understand the country's weaknesses and strengths, at the same time face and overcome challenges to not only protect but also develop national strength.

Keywords: National strength; Strength of the time; Global trends.

1. Đặt vấn đề

Kết hợp sức mạnh dân tộc (SMDT) và sức mạnh thời đại là một trong những bài học lớn và xuyên suốt của dân tộc Việt Nam và của Đảng ta từ khi Đảng ra đời cho đến nay. Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên và các Cương lĩnh (Luận cương chính trị, Cương lĩnh tháng 2 năm 1951, Cương lĩnh 1991, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển năm 2011)), Đảng ta luôn chỉ rõ: “Kết hợp SMDT với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế là một trong những phương hướng chiến lược có tính chất quyết định thành bại của cách mạng Việt Nam”.

2. Tổng quan nghiên cứu

Tổng hợp các mặt của SMDT, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm nổi bật sức mạnh của dân tộc Việt Nam. Đó là sức mạnh của thể lực và trí lực, sức mạnh của bề dày lịch sử và trong cuộc đấu tranh hiện tại, sức mạnh của sự thông minh và dũng cảm, của lòng tin chân chính không gì lay chuyển.

Theo Hồ Chí Minh sức mạnh của thời đại chúng ta thể hiện ở hai lực lượng chủ yếu: nhân dân các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản toàn thế giới. Sức mạnh này được củng cố và phát triển qua sự đoàn kết quốc tế sâu rộng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đồng thời, sức mạnh thời đại cũng không tách khỏi sự phát triển của lực lượng sản xuất, của

cách mạng khoa học - công nghệ, của cuộc cách mạng công nghiệp - động lực của sự phát triển xã hội hết sức quan trọng.

Quan điểm về kết hợp SMDT và sức mạnh thời đại của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất phát từ quan điểm Mác-xít về giải quyết mâu thuẫn dựa trên vai trò quyết định của các yếu tố bên trong và tác động ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài, cũng như từ tính chất cách mạng Việt Nam và xu thế thời đại. Trong thời kỳ đổi mới, quan điểm xuyên suốt của Đảng đã được thể hiện và phản ánh qua các nhiệm vụ và phương châm hành động khác nhau: “trong điều kiện mới càng phải coi trọng vận dụng bài học kết hợp SMDT với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại để phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1991, tr.88); “Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp SMDT với sức mạnh thời đại” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1996, tr.73); “Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp SMDT với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thể trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thể trận an ninh nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, tr.117); “Phát huy cao nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp SMDT với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới” (Đảng

Cộng sản Việt Nam, 2006, tr.71); “Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ quốc tế vào chiều sâu trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tối đa nội lực, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr.236); “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Trên cơ sở vừa hợp tác, vừa đấu tranh, hoạt động đối ngoại nhằm phục vụ mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr.153).

Kết hợp SMDT và sức mạnh thời đại là đòi hỏi khách quan của cách mạng Việt Nam. Sự tồn tại và phát triển của mọi quốc gia đều gắn liền với môi trường khu vực và quốc tế. Không có quốc gia nào dù lớn hay nhỏ có thể tự cô lập khỏi thế giới xung quanh mà luôn chịu sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của thế giới xung quanh và ngược lại. Các tác động đó có thể thuận, tức là có tác dụng hỗ trợ cho các mục tiêu của quốc gia đó, giúp quốc gia đó mau chóng và dễ dàng đạt được mục tiêu hơn. Tác động cũng có thể cản trở các quốc gia đạt được mục tiêu của mình. Đối với các quốc gia nhỏ, nhận biết được các xu thế phát triển quốc tế và tranh thủ được các xu thế đó sẽ tiếp thêm sức mạnh cho các quốc gia, dân tộc, giúp các nước nhỏ nhân sức mạnh lên nhiều lần. Trái lại, nếu đi ngược lại với xu thế đó, các nước có sức mạnh cũng có thể bị cô lập... Trên thế giới, đã có nhiều nước nhỏ nhờ nhận biết sớm và tranh thủ tốt các xu thế phát triển của thời đại nên đã đạt được nhiều thành tựu vượt bậc, mặc dù thực lực không nhiều.

Hiện nay, trong xu thế toàn cầu hóa, các quốc gia trên thế giới ngày càng liên kết với nhau chặt chẽ, sự phụ thuộc giữa các quốc gia ngày càng tăng lên thì việc kết hợp giữa các yếu tố bên ngoài và các nhân tố bên trong mỗi quốc gia ngày càng có ý nghĩa quan trọng quyết định sự thành hay bại trong chính sách của mỗi quốc gia. Đối với Việt Nam, từ một nền kinh tế đóng trong thời kỳ bao cấp, ngày nay chúng ta đã là nền kinh tế có độ “mở” lớn thứ hai trong ASEAN (chỉ sau Singapore), thể hiện sự hội nhập khá cao vào kinh tế khu vực và thế giới, đồng nghĩa với việc chúng ta ngày càng trở thành một bộ phận hữu cơ của kinh tế khu vực và thế giới, chịu tác động trực tiếp từ các biến động thăng trầm của môi trường kinh tế thế giới. Việc Việt Nam chủ trương hội nhập đầy đủ vào đời sống khu vực và thế

giới, tham gia ngày càng nhiều hơn vào mọi mặt hoạt động của đời sống quốc tế càng đòi hỏi chúng ta phải hiểu rõ thế giới và nắm vững các xu thế vận động của thế giới nói chung và tận dụng các xu thế đó phục vụ các mục tiêu của đất nước hoặc để hạn chế tối đa các tác động tiêu cực tới lợi ích quốc gia, dân tộc.

Đảng ta, ngay từ khi ra đời, phải lãnh đạo cuộc cách mạng của dân tộc trong điều kiện hết sức khó khăn, đã hiểu rõ tầm quan trọng của việc phải kết hợp đúng đắn các nguồn lực và trào lưu cách mạng của thế giới để tiếp thêm sức mạnh cho công cuộc cách mạng của dân tộc.

Trong giai đoạn đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), thành công lớn nhất của Đảng là đã kết hợp phong trào yêu nước, đại đoàn kết dân tộc với trào lưu giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản trên thế giới.

Sau khi Đảng ra đời và đặt mục tiêu “phản đế và đền địa”, giành độc lập cho nhân dân Đông Dương, nhưng lực lượng trong tay gần như không có gì, Đảng đã xác định sức mạnh của Đảng và sức mạnh của dân tộc là tinh thần yêu nước, chủ nghĩa dân tộc, khối đại đoàn kết toàn dân và sự căm ghét cao chế độ nửa phong kiến, nửa thuộc địa ở trong nước. Với nhận thức đó, Đảng đã giải quyết đúng đắn quan hệ giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc khi chỉ ra “kết hợp nhuần nhuyễn và giải quyết hài hòa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, quyền lợi dân tộc và quyền lợi giai cấp trên phạm vi quốc tế cũng như trong quốc gia dân tộc Việt Nam” (Nxb. Chính trị - Hành chính, 2009, tr.40), dựa trên tư tưởng Hồ Chí Minh là “dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền” (Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, tr.266), nhờ vậy đã củng cố và huy động được khối đại đoàn kết giữa các thành phần khác nhau của dân tộc, các giai cấp, các đảng phái, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân lao động trong cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam dưới ngọn cờ “yêu nước chân chính và chủ nghĩa dân tộc theo quan điểm của giai cấp công nhân”. Bài học Hồ Chí Minh đúc kết vừa giản dị, vừa thật sâu sắc:

“Dân ta xin nhớ chữ đồng:

Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh”

(Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, tr.229)

Bài học kết hợp sức mạnh bên ngoài cùng sức mạnh bên trong còn thể hiện ở sự nhạy bén nắm bắt những biến chuyển nhanh chóng của tình hình thế giới, lựa chọn thời điểm hành động để tranh thủ tối đa điều kiện cả ở bên trong và bên ngoài. Tháng 8 năm 1945, nhận thấy rõ quân Nhật bại trận ở chính quốc, Nhật - Pháp cùng suy yếu, hoang mang và xung khắc ở Đông Dương, quân Đồng minh chưa

kịp vào giải giáp quân Nhật, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh phát hiện và nắm bắt thời cơ ngàn năm có một này để phát động cuộc tổng khởi nghĩa, làm nên cách mạng tháng Tám, giành chính quyền về tay nhân dân một cách nhanh chóng.

Trong thời kỳ tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân (1945-1954). Tuy chiếm được nước ta, nhưng người Pháp đã phải thừa nhận sức mạnh truyền thống của nhân dân Việt Nam, Người Pháp thừa nhận: “Chúng ta không biết rằng Việt Nam là một dân tộc kiên cường, gắn bó với lịch sử riêng của mình, với những thể chế riêng của mình và thiết tha với nền độc lập riêng của mình. Chúng ta không biết rằng Việt Nam chưa bao giờ khuất phục trước kẻ thù xâm lược. Tình trạng chúng ta rất đỗi khùng khiếp và chúng ta phải đương đầu với một dân tộc thống nhất, mà ý thức dân tộc của họ không hề bị suy yếu” (Bernnand, 1901, tr.11).

Đảng sớm nhận thấy xu thế mới nổi lên trên thế giới là công nhận quyền tự quyết, quyền độc lập, quyền bình đẳng của các quốc gia nên đã tranh thủ thành công xu thế đó phục vụ công cuộc kháng chiến và kiến quốc, thực hiện mục tiêu của dân tộc là độc lập và tự do.

Sức mạnh lớn nhất của dân tộc lúc này là đã có chính quyền hợp pháp của nhân dân, tuy rằng chính quyền này như người Pháp ở Đông Dương nhận xét là “không đồng minh, không tiền, hầu như không có vũ khí” (Minh, 2011, tr.346), nhưng nó được sự thừa nhận và ủng hộ rộng rãi của người dân, về cơ bản chính quyền đó có được sự độc lập tuy còn chưa được quốc tế công nhận. Trong hoàn cảnh đó, Đảng đã chủ trương “thống nhất bên trong, tìm bạn bên ngoài”, “giương cao ngọn cờ độc lập, tự do, chỉ ra: Bạn của ta là tất cả những nước nào, những dân tộc hay lực lượng nào trên thế giới tán thành mục đích ấy, cùng ta chung một ý chí ấy” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr.437), đồng thời tranh thủ các xu thế và chuẩn mực mới hình thành trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh để khẳng định sự tồn tại và bảo vệ thành quả cách mạng của Đảng.

Chỉ thị *kháng chiến kiến quốc* ngày 25/11/1945 ghi rõ “kiên trì chủ trương ngoại giao với các nước trên nguyên tắc bình đẳng, tương trợ”, phải đặc biệt chú ý làm sao cho “nước mình ít kẻ thù hơn hết mà nhiều bạn đồng minh hơn hết...”. Với nguyên tắc “thêm bạn bớt thù” và “biểu dương thực lực”, chính phủ ta thực hiện chủ trương “Hoa - Việt thân thiện” đối với Tưởng Giới Thạch và “thực hành độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế” đối với Pháp. Đường lối này vừa mềm dẻo, vừa bảo đảm nguyên tắc độc lập và chủ quyền dân tộc.

Bước sang thời kỳ toàn quốc kháng chiến chống

thực dân pháp (1946-1954), nhất là những năm 1948-1949, cục diện Yalta với thế giới hai cực Xô - Mỹ bắt đầu hình thành; nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa dần hình thành và mở rộng hoạt động từ châu Âu sang châu Á. Đảng đã nhanh chóng nắm bắt thời cơ đó, gắn chặt hơn nữa cách mạng dân tộc dân chủ với cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Cho đến năm 1949, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vẫn chưa được thế giới công nhận. Do sự lớn mạnh và thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta và điều kiện quốc tế thuận lợi, ngày 14/01/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố với chính phủ các nước trên thế giới “Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là chính phủ hợp pháp duy nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam, căn cứ trên quyền lợi chung, chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ nước nào trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây đắp dân chủ thế giới” (Nxb. Chính trị quốc gia, 2011, tr.7-8). Đáp lời tuyên bố của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, bốn ngày sau đó (18/08/1950) chính phủ các nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Liên Xô, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, Tiệp Khắc, Cộng hòa Dân chủ Đức, Rumania, Ba Lan, Hungary, Bungary, Anbani, Mông Cổ đã lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Thắng lợi ngoại giao này đã nâng cao uy tín của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên trường quốc tế, phá vỡ thế bao vây của chủ nghĩa đế quốc đối với nước ta. Từ đây nước ta “là một tiền đồn trong phòng tuyến dân chủ chống đế quốc ở Đông Nam Á” và có điều kiện để các nước bạn sẽ tích cực giúp đỡ Việt Nam.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), thành công của Đảng là đã gắn cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta với dòng chảy chính của xu thế cách mạng toàn cầu, đấu tranh cho những mục tiêu cao cả của thời đại, vì hòa bình, dân sinh, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, nhờ vậy sự nghiệp cách mạng giải phóng thống nhất đất nước của dân tộc Việt Nam đã nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ và rộng rãi của các lực lượng tiến bộ trên thế giới.

Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đã đem lại cho dân tộc một miền Bắc hoàn toàn giải phóng, độc lập, tự chủ, hợp pháp, được thế giới công nhận và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Sức mạnh mới này của dân tộc là nền tảng để tiến tới mục tiêu cách mạng cao nhất là thống nhất đất nước.

Những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã góp phần tích cực vào việc hình thành trong thời kỳ này mặt trận nhân dân thế giới rộng lớn chống chủ nghĩa đế quốc hiếu chiến, bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh, trong đó có sự ủng hộ tích cực đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Trong giai đoạn đất nước thống nhất, xây dựng hòa bình và tiến hành công cuộc đổi mới, đã diễn ra những biến chuyển to lớn trong quan hệ quốc tế, đặc biệt sau sự tan rã của Liên Xô, Đông Âu, hình thành cục diện thế giới đa cực, đa trung tâm, vừa hợp tác, vừa đấu tranh trên nhiều tầng nấc, trong đó hòa bình, hợp tác và phát triển là dòng chảy chính và ngày càng mạnh lên. Đây là xu hướng khách quan không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của bất cứ quốc gia nào. Chính trong xu thế đó mà hầu hết các nước trên thế giới, kể cả một số nước đã từng thù địch với Việt Nam, đã phản ứng thuận lợi, tích cực đối với đường lối đổi mới, mở cửa hội nhập của chúng ta. Đảng ta đã nhận định đây là cơ hội to lớn nhất thiết không thể bỏ lỡ để tập trung mọi nguồn lực trong nước và tranh thủ tốt nhất các điều kiện bên ngoài phục vụ mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng đã đề ra chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa chính sách đối ngoại, tranh thủ hợp tác với các đối tác trên tinh thần “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”, đồng thời tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.

Trong bối cảnh quốc tế phức tạp và đầy biến động, với phương châm nói trên chúng ta đã đạt được những thành tựu có ý nghĩa hết sức quan trọng. Đến nay, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với hơn 200 quốc gia trên thế giới, trong đó có tất cả các nước lớn, kể cả năm nước thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, cũng như hầu hết các tổ chức quốc tế, khu vực và trung tâm chính trị - kinh tế quan trọng; có quan hệ buôn bán với 187 quốc gia và vùng lãnh thổ, đối tác ngày càng nhiều, quan hệ tài chính - tiền tệ với các tổ chức quốc tế và các nước được khai thông, tranh thủ được nguồn viện trợ phát triển và đầu tư trực tiếp nước ngoài đáng kể. Lần đầu tiên trở thành Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (nhiệm kỳ 2008-2009), Việt Nam đã có tiếng nói và đóng góp thiết thực vào công việc của tổ chức quốc tế lớn nhất thế giới. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Chủ tịch ASEAN trong công việc của khu vực và trong quan hệ với các nước lớn...

Việc hội nhập ngày càng toàn diện vào đời sống quốc tế, tham gia một cách chủ động, tích cực và có trách nhiệm vào giải quyết các vấn đề chung của

cộng đồng quốc tế đã giúp tạo một vị thế và hình ảnh mới của dân tộc, đất nước, con người Việt Nam, tạo điều kiện để đất nước tiếp tục đã phát triển mới.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng một số phương pháp chủ yếu như: Phương pháp thu tập tài liệu thứ cấp; Phương pháp tổng hợp, phân tích để từ đó làm rõ việc phát huy bài học kết hợp SMDT và sức mạnh thời đại trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Những kết quả đạt được trong việc kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, kết hợp sức mạnh bên ngoài và sức mạnh bên trong

Thành công của cách mạng Việt Nam trong việc kết hợp SMDT và sức mạnh thời đại, kết hợp sức mạnh bên ngoài và sức mạnh bên trong đã được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đúc kết trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam thành những bài học cơ bản sau:

Một là, đặt cách mạng Việt Nam trong bối cảnh chung của cách mạng thế giới. Sự kết hợp SMDT và sức mạnh thời đại phải mang nội dung của cách mạng dân tộc và xu thế chung của cách mạng thế giới, phải hướng tới một xã hội văn minh, tiên bộ mà mục tiêu là chủ nghĩa xã hội.

Hai là, xác định đúng vị trí của cách mạng dân tộc trong bối cảnh chung của cách mạng thế giới, tranh thủ tối đa các mặt lợi và hạn chế tối đa các tác động không thuận từ bên ngoài. Gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, tiến hành cuộc cách mạng dân tộc không phải chỉ để giành thắng lợi của riêng mình mà còn góp phần vào thắng lợi chung của nhân dân thế giới.

Ba là, xây dựng tình hữu nghị, hợp tác và đoàn kết với các quốc gia, dân tộc, nhân dân và vô sản các nước khác trong quá trình cách mạng, nhất là giữa các quốc gia có cùng hoàn cảnh nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp to lớn, đạt mục tiêu của dân tộc và thời đại.

Bốn là, dựa vào sức mình là chính trong sự kết hợp SMDT với sức mạnh thời đại, coi sức mạnh và lực lượng bên ngoài là nhân tố quan trọng, song nhân tố này chỉ phát huy hiệu quả khi bên trong đủ mạnh để tiếp nhận một cách hiệu quả.

Năm là, chủ động, tinh táo sáng suốt trong hoạt động hội nhập quốc tế để nhận diện rõ bạn, thù, không bỏ qua những lực lượng cần liên kết, hợp tác đồng thời cảnh giác với mọi mưu toan chống phá đất nước.

4.2. Nhiệm vụ mới của đất nước và bối cảnh quốc tế hiện nay

Mỗi một thời kỳ đất nước có một mục tiêu trọng

tâm và các nhiệm vụ cụ thể. Trong giai đoạn hiện nay, nhiệm vụ của đất nước là bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, chủ động, tích cực hội nhập vào mọi mặt của đời sống quốc tế, hướng tới xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Trong các mục tiêu trên, xây dựng và phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm. Việc thực hiện các mục tiêu chính trị, an ninh, đối ngoại và phát triển văn hóa - xã hội cũng lấy nhiệm vụ phát triển kinh tế làm nền tảng và nhằm tạo các điều kiện thuận lợi để phục vụ cho công cuộc phát triển nền kinh tế.

Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định phải kết hợp SMDT và sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. Mục tiêu đối ngoại được đề cập rõ hơn và ở mức cao hơn. Mục tiêu đối ngoại “vì lợi ích quốc gia, dân tộc” được nêu lần đầu tiên trong Văn kiện Đại hội XI. Văn kiện Đại hội XII làm rõ hơn và phát triển thành: “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr.153). Qua đó, Đảng ta khẳng định: Thứ nhất, lợi ích quốc gia và lợi ích dân tộc là đồng nhất; Thứ hai, lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam được xác định trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, không phải là những lợi ích dân tộc vị kỷ, hẹp hòi; Thứ ba, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc phải là nguyên tắc tối cao của mọi hoạt động đối ngoại; Thứ tư, mục tiêu của mọi hoạt động đối ngoại là phải bảo đảm một cách tối cao lợi ích quốc gia - dân tộc.

SMDT trong tình hình hiện nay được hiểu là để gắn kết công cuộc đổi mới ở trong nước với xu thế thế giới, xác định đúng vị trí của mình trong môi trường thế giới và thúc đẩy được hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ và kết hợp sức mạnh từ bên ngoài hỗ trợ cho các mục tiêu, nhiệm vụ hiện nay, cần hiểu những điểm làm nên sức mạnh của đất nước mà chúng ta cần tranh thủ và những mặt chúng ta cần khắc phục, phần đầu, đó là: Sau gần 40 năm đổi mới, Việt Nam đã có thế và lực mới; nền kinh tế có điều kiện phát triển nhưng chưa vững chắc; đất nước đang tích cực hội nhập; quan hệ đối ngoại nhiều chiều, nhiều tầng nấc. Như vậy, SMDT hiện nay có thể được coi là tổng thể sức mạnh của Nhà nước và nhân dân, sức mạnh của sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng, là tổng hợp của cả sức mạnh cứng và sức mạnh mềm, là sự kết hợp hài hòa các yếu tố hiện đại với các yếu tố truyền thống, cùng với vị thế ngày càng cao của Việt Nam tại khu vực và trên thế giới.

Những xu thế lớn của thế giới và khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Môi trường quốc tế hiện nay đã và đang có những chuyển biến hết sức nhanh chóng và sâu sắc. Một số đặc điểm và xu thế chủ đạo làm nên các dòng chảy chính của thế giới hiện nay và thời gian tới là tình hình còn nhiều diễn biến phức tạp nhưng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Quá trình toàn cầu hóa. Văn kiện Đại hội XII của Đảng đã nêu những dự báo quan trọng về các mặt của tình hình thế giới những năm sắp tới:

Thứ nhất, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh và sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn ngày càng tăng.

Thứ hai, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin tiếp tục phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển nhảy vọt trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia.

Thứ ba, tình hình chính trị - an ninh thế giới thay đổi nhanh chóng, diễn biến rất phức tạp, khó lường; tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ, khủng bố, chiến tranh cục bộ, chiến tranh mạng... tiếp tục diễn ra gay gắt ở nhiều khu vực.

Thứ tư, cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau, tác động mạnh đến cục diện thế giới và khu vực. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế.

Thứ năm, những vấn đề toàn cầu nổi lên như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh truyền thống, phi truyền thống, đặc biệt là an ninh mạng và các hình thái chiến tranh kiểu mới.

Thứ sáu, kinh tế thế giới phục hồi chậm, gặp nhiều khó khăn, thách thức và còn có nhiều biến động khó lường.

Thứ bảy, các quốc gia tham gia ngày càng sâu vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Biến động của giá cả thế giới, sự bất ổn về tài chính, tiền tệ và vấn đề nợ công tiếp tục gây ra những hiệu ứng bất lợi đối với nền kinh tế thế giới. Tương quan sức mạnh kinh tế giữa các quốc gia, khu vực đang có nhiều thay đổi.

Thứ tám, Châu Á - Thái Bình Dương trong đó có khu vực Đông Nam Á, tiếp tục là trung tâm phát

triển năng động, có vị trí địa kinh tế - chính trị chiến lược ngày càng quan trọng trên thế giới. Đồng thời, đây cũng là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa một số nước lớn, có nhiều nhân tố bất ổn. Tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên Biển Đông tiếp tục diễn ra gay gắt, phức tạp. ASEAN trở thành cộng đồng, tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trong duy trì hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác, liên kết kinh tế trong khu vực, nhưng cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức cả bên trong và bên ngoài.

Từ bối cảnh quốc tế và trong nước nói trên, cần nhận thức về phương châm “kết hợp SMDT và sức mạnh thời đại” trong điều kiện hiện nay là: nhận thức bản chất việc kết hợp SMDT và sức mạnh thời đại là sự cộng hưởng giữa các yếu tố dân tộc và yếu tố quốc tế, qua đó nâng lên sức mạnh và nội lực của dân tộc để đạt được các mục tiêu nhất định; thấy rõ nguồn gốc SMDT hiện nay bao gồm sức mạnh tập trung của Nhà nước và sức mạnh của các tầng lớp nhân dân cả trong nước và ngoài nước, do Nhà nước huy động dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm phục vụ các mục tiêu và lợi ích của toàn dân tộc hoặc do các tầng lớp nhân dân tự phát huy vì các mục tiêu và lợi ích chung của xã hội. Nguồn gốc sức mạnh thời đại cần được nhìn nhận bao gồm cả các dòng chảy, xu thế lớn của thế giới và các yếu tố, điều kiện thuận lợi khách quan khác mà ta có thể tranh thủ từ môi trường quốc tế để phục vụ các mục tiêu, lợi ích của quốc gia, dân tộc; nhận thức rõ trong bối cảnh thế giới toàn cầu hóa và đất nước hội nhập ngày càng sâu rộng vào cộng đồng thế giới, không phải lúc nào cũng có ranh giới rõ ràng giữa các nhân tố “trong nước” và “quốc tế” mà các nhân tố này thường đan xen và pha trộn với nhau, liên hệ, phụ thuộc và tác động vào nhau; hiểu và vận dụng phương châm “kết hợp SMDT và sức mạnh thời đại” một cách toàn diện, theo đó cần khuyến khích vận dụng phương châm này trong việc thực hiện mọi nhiệm vụ, với mọi đối tượng, trong mọi lĩnh vực. Việc triển khai các nhiệm vụ không chỉ là nhiệm vụ của nhà nước mà là nhiệm vụ chung của toàn dân, vì vậy việc kết hợp sức mạnh bên ngoài và bên trong không chỉ là phương châm hoạt động của Đảng và Nhà nước, mà cần là phương châm hành động chung đối với mọi tầng lớp và toàn dân.

5. Thảo luận

Trong bối cảnh mới khi thế giới đang chuyển mình mạnh mẽ, loài người đang bước vào một cuộc cách mạng sản xuất mới - cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 thì Việt Nam cũng không đứng ngoài xu thế đó. Điều này đòi hỏi hiện nay và trong những năm tới, chúng ta phải thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tăng cường “kết hợp SMDT và sức

mạnh thời đại” trong điều kiện mới:

Một là, xác định đúng hướng phát triển dựa vào kinh nghiệm của thực tiễn, phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước, kết hợp với học tập kinh nghiệm của nước ngoài. Theo đó, cần chú trọng vươn ra bên ngoài để huy động mọi nguồn lực có thể nhằm giúp tăng cường nội lực phục vụ tốt nhất sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, hiểu rõ nội lực và xác định đúng vị trí, vai trò của mình trong môi trường quốc tế, trong đó mỗi quốc gia là một bộ phận cấu thành và kiến tạo ra thế giới, giữa quốc gia và môi trường thế giới luôn có sự tác động qua lại, các quốc gia không thể chỉ “nhận” từ môi trường thế giới mà cũng cần “đóng góp” cho môi trường thế giới. Trên tinh thần đó Việt Nam cần chủ động và tham gia đóng góp, tích cực xây dựng các luật chơi chung như luật pháp quốc tế, chủ động đóng góp cho các tổ chức khu vực xây dựng các chuẩn mực chung của khu vực.

Ba là, linh hoạt và ứng xử một cách nhạy bén trên cơ sở hiểu biết sâu sắc tình hình thế giới, đặc biệt phải luôn luôn tỉnh táo trong hành xử và tự điều chỉnh mình để phù hợp với các xu thế, chuẩn mực chung của quốc tế và khu vực, nhất là các chuẩn mực đã được quốc tế thừa nhận và áp dụng rộng rãi.

Bốn là, giữ vững tinh thần độc lập, tự chủ trong việc tiếp thu sức mạnh bên ngoài, kết hợp với sức mạnh trong nước vì lợi ích quốc gia dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc chính đáng, ý thức bảo vệ văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại.

Năm là, chăm lo và tăng cường đoàn kết, đồng thuận xã hội, coi đó chính là sức mạnh tự cường bên trong, là cách hiểu và vận dụng bài học quý báu “tự lực cánh sinh” của Hồ Chủ tịch.

Sáu là, trong bối cảnh Việt Nam hội nhập khu vực, đóng góp lớn vào xây dựng cộng đồng ASEAN, gắn kết tương lai của Việt Nam với tương lai chung của khu vực, thì “sức mình” và “tự cường” trong lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh còn thể hiện ở sức mạnh chung và sự tự cường chung của cả cộng đồng ASEAN, do vậy cần chú trọng xây dựng cộng đồng ASEAN như một ưu tiên số một trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

6. Kết luận

Kết hợp SMDT và sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế là một nội dung quan trọng trong triển khai đường lối đối ngoại của Đại hội XII với tinh thần là “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc

cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi”, với phương châm “Trên cơ sở vừa hợp tác, vừa đấu tranh, hoạt động đối ngoại nhằm phục vụ mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr.153). Lần đầu tiên phương châm này được nêu ra, qua đó Đảng ta khẳng định trong quá trình triển khai các nhiệm vụ đối ngoại, phải thấy rõ tính chất hai mặt trong quan hệ với mọi đối tác, trong xử lý mọi sự việc này sinh đề không bỏ lỡ bất kỳ một cơ hội hợp tác nào nhưng cũng

không lơ là mất cảnh giác. Đúc kết các kinh nghiệm thành công của phương châm kết hợp SMDT với sức mạnh thời đại trong thực tiễn lịch sử Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay, nắm vững các kinh nghiệm then chốt và vận dụng một cách linh hoạt các bài học đó trong bối cảnh mới hiện nay là chìa khóa để thực hiện thành công nhiệm vụ của công tác đối ngoại được Đại hội XII xác định là: “Bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016, tr.55).

Tài liệu tham khảo

- Bernnard, F. (1901). *Erreurs et dangers*, Paris.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (1991). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (1996). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2001). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2006). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2000). Chính sách của chúng ta. *Văn kiện Đảng toàn tập (Tập 8)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- Minh, P. B. (2011). *Xem Học viện ngoại giao*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
- Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật. (2011). *Hồ Chí Minh: Toàn tập*. Hà Nội.
- Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. (2011). *Hồ Chí Minh: Toàn tập*. Hà Nội.
- Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính. (2009). *Tập bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh*. Hà Nội.

PHÁT HUY BÀI HỌC KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VÀ SỨC MẠNH THỜI ĐẠI TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ HIỆN NAY

Lương Quang Hiến

Học viện Tài chính

Email: luongquanghien@hvtc.edu.vn

Nhận bài: 18/01/2024; Phản biện: 31/01/2024; Tác giả sửa: 26/02/2024; Duyệt đăng: 04/3/2024; Phát hành: 31/3/2024

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/266>

Sức mạnh của một dân tộc không chỉ bao gồm các yếu tố về vật chất và tinh thần mà còn mô tả sự tổng hợp của nhiều khía cạnh như kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, tri thức, tư tưởng, đường lối chính sách, hệ thống chính trị... Trong bối cảnh thế giới đương đại, sức mạnh dân tộc đồng nghĩa với việc liên kết quốc nội với xu hướng toàn cầu, định rõ vị trí của mình trong cộng đồng quốc tế, thúc đẩy hợp tác quốc tế để tận dụng và kết hợp sức mạnh từ bên ngoài nhằm hỗ trợ cho những mục tiêu, nhiệm vụ hiện nay. Để đạt được điều này, chúng ta cần hiểu rõ những yếu điểm và mạnh mẽ của đất nước, đồng thời đối mặt và vượt qua những thách thức để không chỉ bảo vệ mà còn phát triển sức mạnh quốc gia.

Từ khóa: Sức mạnh dân tộc; Sức mạnh của thời đại; Xu hướng toàn cầu.